

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 180 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 11 - 2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Tiến Thành

Ông Nguyễn Đức Đẹp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 1082/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2018/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trương Thị Minh T, sinh năm 1972

Nơi ĐKKHKT: A19 Khu tập thể Bình Khê, phường PT, Thành phố N, Tỉnh K.

Có đơn xin xử vắng mặt.

* Bị đơn: Ông Đặng Sỹ T, sinh năm 1969.

Trú tại: : A19 Khu tập thể Bình Khê, phường PT, Thành phố N, Tỉnh K . Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Trương Thị Minh T trình bày:*

Tôi và ông Đặng Sỹ T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phước Tân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa vào năm 1997. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm suy nghĩ khác nhau, hiện tại chúng tôi đã sống ly thân với nhau. Nay tình cảm giữa tôi và ông Tuấn không còn nữa, nếu có quay lại với nhau cũng không thể sống hạnh phúc được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi và ông T được ly hôn.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Đặng Tiến L – Sinh năm 1998 và Đặng Tiến T – Sinh ngày 01/7/2000. Các cháu đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Chúng tôi không có.

* *Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Đặng Sỹ T trình bày:* Tôi và bà Trương Thị Minh T kết hôn với nhau vào năm 1997. Từ lúc kết hôn đến nay tôi chỉ có đánh vợ tôi một lần. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân với nhau, vợ chồng tôi có mâu thuẫn nhưng tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng tôi chưa đến mức phải ly hôn, tình cảm tôi đối với bà T vẫn còn. Vì vậy, tôi không đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Đặng Tiến L – Sinh năm 1998 và Đặng Tiến T – Sinh ngày 01/7/2000. Các cháu đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Nếu Tòa giải quyết cho chúng tôi ly hôn, chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chúng tôi không có.

* *Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định:* Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là có, nên đã sống ly thân với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Con chung đã trưởng thành, tài sản chung không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nguyên đơn bà Trương Thị Minh T có đơn xin xử vắng mặt. Ông Đặng Sỹ T đã được tổng đạt hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trương Thị Minh T và ông Đặng Sỹ T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Phước Tân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 113 ngày 22/11/1997. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bà Trương Thị Minh T và ông Đặng Sỹ T có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm suy nghĩ khác nhau dẫn đến bà T phải sống ly thân với ông T. Do đó, Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Trong đơn xin xét xử vắng mặt, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Bị đơn ông Đặng Sỹ T không đồng ý ly hôn với bà Trương Thị Minh T. Tuy nhiên, ông cũng thừa nhận có đánh bà T, vợ chồng có mâu thuẫn dẫn đến phải sống ly thân với nhau.

Xét thấy, vợ chồng bà Trương Thị Minh T và ông Đặng Sỹ T có mâu thuẫn, tình cảm của bà T không còn đối với ông T, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu ly hôn với ông T là chính đáng, có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] *Về con chung*: Bà Trương Thị Minh T và ông Đặng Sỹ T xác định có hai con chung là Đặng Tiến L – Sinh năm 1998 và Đặng Tiến T – Sinh ngày 01/7/2000. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Bà Trương Thị Minh T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Minh T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trương Thị Minh T được ly hôn ông Đặng Sỹ T

2. *Về án phí*: Bà Trương Thị Minh T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0009585 ngày 25/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà Trương Thị Minh T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án, được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND Tỉnh Khánh Hòa
- VKSND TP.Nha Trang;
- Chi cục THA dân sự TP.Nha Trang;
- UBND phường Phước Tân,
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Văn Tuấn